

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/11 /2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Như - Thư ký Tòa án nhân dân
THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ Q, TỈNH N tham gia
phiên tòa:** Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16/11/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ Q xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021
về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
198/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 7, PHƯỜNG C, THÀNH PHỐ Q, TỈNH N.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1977.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 6 đường P, phường N, THÀNH PHỐ
Q, TỈNH N.

Địa chỉ liên hệ: Tổ 7, PHƯỜNG C, THÀNH PHỐ Q, TỈNH N.

Chị T có mặt, anh P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện ngày 23/2/2021, bản tự khai ngày 26/02/2021 và tại
phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P trước khi kết hôn có tự nguyện tìm
hiểu với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N vào ngày
31/5/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm
2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng
quan điểm sống, không cùng quan điểm về cách nuôi dạy con, cách sinh hoạt nên
mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, vợ chồng và gia đình hai bên cũng đã nhiều
lần hòa giải nhưng không thành, vợ chồng vẫn không thể hòa thuận được với nhau.
Khoảng cuối năm 2017 chị T phát hiện anh P có tình cảm với người phụ nữ khác
nên tình cảm vợ chồng không còn nữa. Từ đó chị T chuyển về nhà cha mẹ đẻ của

chị T ở cho đến nay. Nay chị T không còn tình cảm gì với anh P nữa nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

- Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/5/2014 và Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 29/9/2015. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cả hai con là Cháu L, cháu H và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị T và anh P có gửi Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng. Trong đơn khởi kiện khi ly hôn chị T yêu cầu chia số tiền này thành 4 phần bằng nhau cho chị T, anh P, cháu H, Cháu L, mỗi người được nhận số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 17/6/2021, chị T có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung về số tiền 200.000.000 đồng này để vợ chồng chị T, anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T khai không có.

Tại bản tự khai ngày 05/3/2021, anh Nguyễn Thanh P trình bày: về quan hệ hôn nhân anh P không đồng ý ly hôn vì những mâu thuẫn trong hôn nhân giữa anh và chị T theo chị T khai là không chính xác; anh P không đánh đập và ngoại tình với người phụ nữ khác, nhưng nếu chị T muốn ly hôn thì yêu cầu Tòa án xử theo quy định pháp luật. Về con chung đúng như chị T trình bày, nếu chị T ly hôn thì anh P yêu cầu được nuôi cả hai Nguyễn Ngọc L và Nguyễn Ngọc H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Đối với số tiền 200.000.000 đồng là tài sản chung của anh P, chị T anh P yêu cầu không chia số tiền này để lại cho anh P nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý đơn, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã làm đúng theo quy định của pháp luật; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, điều hành phiên tòa đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh P đều vắng mặt và tại phiên tòa, anh P vắng mặt lần thứ hai không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng pháp luật theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh P đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn anh P. Về con chung: Giao hai con chung tên là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/5/2014 và Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 29/9/2015 cho chị T nuôi dưỡng, anh P không cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ phần yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung chị T khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu T có đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" đối với anh Nguyễn Thanh P có địa chỉ tại tổ 7, PHƯỜNG C, THÀNH PHỐ Q, TỈNH N. Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ Q, TỈNH N đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh P vắng mặt lần thứ hai và không có lý do. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Thanh P có quen biết tìm hiểu và đi đến cuộc sống hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N, THÀNH PHỐ Q cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/5/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh P không tin tưởng nhau, không hòa hợp trong tính tình, cách sống nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tại các bản tự khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, chị T khai trong cuộc sống vợ chồng chị và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn vì chị và anh P bất đồng ý kiến, quan điểm sống, cách nuôi dạy con thậm chí đánh nhau, mâu thuẫn cứ thế ngày càng tăng dần cả hai không giải quyết được. Năm 2017, chị T phát hiện anh P có tình cảm với người phụ nữ khác từ đó chị T cùng hai con về nhà cha mẹ để chị T sinh sống. Từ đó chị T và anh P không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, phần ai nấy sống. Qua xác minh tại chính quyền địa phương mâu thuẫn vợ chồng của chị T, anh P địa phương không biết vì chưa có lần nào chị T, anh P gửi đơn yêu cầu hòa giải, can thiệp. Khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị T, anh P chỉ đến Tòa án viết bản tự khai, từ đó không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải không có văn bản yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ gì, điều này chứng tỏ anh P không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T. Tại phiên tòa, chị T vẫn yêu cầu được ly hôn anh P. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn anh P.

[3] Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/5/2014 và Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 29/9/2015. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị T yêu cầu được nuôi cả hai con là Cháu L, cháu H và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được nuôi con của chị T là chính đáng, phù hợp với điều kiện sinh sống của chị T, chị T làm nghề photocopy với thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng. Xét trong thời gian vợ chồng không sống cùng nhau thì chị T vẫn nuôi dưỡng hai cháu H, Lan phát triển bình thường, hiện cháu H và Cháu L vẫn đang do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, dựa trên quyền lợi mọi mặt của hai cháu H và Cháu L nên Hội đồng xét xử giao cả hai con chung của chị T và anh P cho chị T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh P không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Ngày 17/6/2021, chị T có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung về số tiền 200.000.000 đồng này để vợ chồng chị T, anh P tự thỏa

thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung khi ly hôn của chị T.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006638 ngày 26/2/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự THÀNH PHỐ Q. Hoàn trả lại cho chị T số tiền 1.250.000 đồng.

[7] Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ vào:** Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 147, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Thanh P

- Giao 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/5/2014. Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 29/9/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Nguyễn Thanh P không cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu giải quyết chia tài sản khi ly hôn của chị T.

- Về nợ chung: Chị T trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006638 ngày 26/2/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự THÀNH PHỐ Q. Hoàn trả lại cho chị T số tiền 1.250.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Thu T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Thanh P vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TỈNH Q;
- VKSND TP.Q;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS TP.Q;
- UBND phường N
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Thị Túc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Toàn – Lê Minh Hưng

Trần Thị Túc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Cao Trung – Ngô Thị Mai Du

Trần Thị Túc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Cao Trung – Ngô Thị Mai Du

Trần Thị Túc

Trần Thị Túc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bà Hồ Thị Ngọc Duyên- Bà Bùi Thị Thùy

Trần Thị Túc

